

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẠC SƠN  
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/HS-ST  
Ngày: 26 - 6 - 2025

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Cao Sơn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phan Thị Hồng Vân – Bí thư Huyện đoàn Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình;

Ông Bùi Văn On – Cán bộ hưu trí tại thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Hồng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:** bà Bùi Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2025/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. BÙI TUẤN A, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2008 tại L - Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T và bà Bùi Thị D; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị C đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

**- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Bùi Tuấn A:** ông Bùi Quang V, sinh năm 1983. Trú tại: phố H, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Là bác ruột của bị cáo. Có mặt tại phiên tòa.

**- Người bào chữa cho bị cáo Bùi Tuấn A:** ông Bùi Văn M – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh H. Có mặt.

Bà Bùi Thị Kim L - Luật sư thuộc Công ty L3 - Đoàn luật sư thành phố H. Có mặt.

2. BÙI VĂN D1, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2004 tại L - Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn K và bà Bùi Thị N; bị cáo chưa có vợ con. Tiền

án: Ngày 29/12/2020 bị Toà án nhân dân thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình xử phạt 09 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 18/9/2024. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn D1:* bà Bùi Thị Kim L - Luật sư thuộc Công ty L3 - Đoàn luật sư thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

3. BÙI QUANG H, sinh ngày 11 tháng 12 năm 2004 tại L - Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn R và bà Bùi Thị T1; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 18/9/2024. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Quang H:* ông Bùi Văn M – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

Bà Bùi Thị Kim L - Luật sư thuộc Công ty L3 - Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

4. BÙI DUY K1, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2008 tại L - Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn N1 và bà Bùi Thị N2; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị C đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Bùi Duy K1:* ông Bùi Văn N1, sinh năm 1985 và bà Bùi Thị N2, sinh năm 1982. Cùng trú tại: Xóm C, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Duy K1:* ông Bùi Văn M – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

Bà Bùi Thị Kim L - Luật sư thuộc Công ty L3 - Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt tại phiên tòa. Có mặt tại phiên tòa.

5. BÙI VĂN S, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2009 tại L - Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T2 và bà Bùi Thị T3; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị C đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/9/2024 đến ngày 17/12/2024, bị bắt để tạm giam từ ngày 28/12/2024. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Bùi Văn S:* ông Bùi Văn T2, sinh năm 1980 và bà Bùi Thị T3, sinh năm 1986. Cùng trú tại: Xóm C, xã X, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn S:* ông Bùi Văn M – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

Bà Bùi Thị Kim L - Luật sư thuộc Công ty L3 - Đoàn Luật sư thành phố H.

Có mặt tại phiên toà.

- *Bị hại*: anh Bùi Trọng A1, sinh năm 2003. Trú tại: phố N, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên toà.

Anh Quách Văn L1, sinh năm 2001. Trú tại: xóm Ổ, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên toà.

Anh Bùi Văn P, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2006. Trú tại: xóm Ổ, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên toà.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1984; bà Bùi Thị D, sinh năm 1990; ông Bùi Văn K, sinh năm 1975; bà Bùi Thị N, sinh năm 1974; ông Bùi Văn R, sinh năm 1982; bà Bùi Thị T1, sinh năm 1985; ông Bùi Văn N1, sinh năm 1985; bà Bùi Thị N2, sinh năm 1982; ông Bùi Văn T2, sinh năm 1980; bà Bùi Thị T3, sinh năm 1986. Cùng trú tại: Xóm C, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Đều có mặt tại phiên toà, trừ bà Bùi Thị D vắng mặt.

Bà Bùi Thị T4, sinh năm 1982. Trú tại: xóm N, xã X, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên toà.

Anh Bùi Văn P, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2006. Trú tại: xóm Ổ, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên toà.

- *Người làm chứng*: Quách Mạnh Q, sinh ngày 29/10/2006. Trú tại: xóm N, xã X, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Quách Văn H1, sinh năm 2004. Trú tại: xóm Ổ, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Trần Đức M1, sinh ngày 06/11/2006. Trú tại: xóm Đ, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Quách Đức L2, sinh ngày 22/7/2007. Trú tại: xóm N, xã X, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Nguyễn Đức M2, sinh ngày 01/01/2006. Trú tại: phố T, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- *Đại diện Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh xã T*: Ông Bùi Văn T5 – Phó Bí thư Đoàn xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do mâu thuẫn với nhau trên mạng xã hội nên khoảng 23 giờ 00 phút ngày 12/7/2024, nhóm thanh niên gồm Quách Mạnh Q, Bùi Trọng A1 rủ thêm Bùi Văn P, Quách Văn L1, Quách Văn H1, Trần Đức M1, Quách Đức L2 và Nguyễn Đức M2 đi đánh nhau với nhóm thanh niên gồm Bùi Tuấn A, Bùi Văn S, Bùi Văn D1, Bùi Quang H, Bùi Duy K1. Trước khi đi đánh nhau, Bùi Trọng A1 cầm theo 03 vỏ chai bia thủy tinh; Quách Mạnh Q về nhà lấy một dao phúng lợn chuôi dài 200cm, lưỡi dao nhọn dài 30cm; Quách Văn H1 bảo Trần Đức M1 và Nguyễn Đức M2 đến nhà H1 lấy một ống nhựa bên trong có một thanh kiếm dài khoảng 01m, 01 con

dao mũi bằng dài khoảng 40cm; Quách Văn L1 cầm theo một con dao mũi bằng dài khoảng 40 cm. Cả nhóm đến khu vực ngã ba X, xã X, huyện L, tỉnh Hòa Bình thì Quách Văn H1 cầm 01 thanh kiếm, đưa cho Bùi Văn P cầm 01 con dao lấy từ nhà H1; Bùi Trọng A1 đưa cho Bùi Văn P cầm 03 vỏ chai bia thủy tinh. Sau đó cả nhóm đi bằng 03 xe mô tô đến khu vực xóm V, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình để đánh nhau.

Sau khi hẹn đánh nhau với nhóm của Quách Mạnh Q, Bùi Tuấn A chuẩn bị 01 con dao mũi bằng dài khoảng 50cm, 01 thanh kiếm không có cán. Khi Bùi Tuấn A đón được Bùi Văn D1 thì đưa cho D1 cầm 01 thanh kiếm và cả hai đi đón Bùi Quang H. Sau đó Bùi Quang H dùng xe mô tô chở Tuấn A và D1 đi đến đoạn đường thuộc xóm L, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình thì gặp Bùi Văn S và Bùi Duy K1 đang đi cùng một xe mô tô. Tại đây, Bùi Văn D1 đưa cho Bùi Quang H 01 tuýp sắt dài khoảng 40 cm; Bùi Văn S lấy từ trong bụi cây 01 liềm phát cỏ có cán dài khoảng 01m. Cả nhóm tiếp tục điều khiển xe mô tô đi hướng xã N tìm nhóm Quách Mạnh Q để đánh nhau.

Khoảng 00 giờ 15 phút, ngày 13/7/2024, tại đoạn đường thuộc xóm V, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình thì hai nhóm này gặp nhau và dừng xe lại. Bùi Tuấn A cầm dao, Bùi Văn D1 cầm kiếm xông lên thì Bùi Trọng A1 và Bùi Văn P dùng vỏ chai bia thủy tinh ném về phía nhóm của Bùi Tuấn A nhưng không trúng. Bùi Trọng A1 giật lấy cây phóng lợn Quách Mạnh Q đang cầm xông lên và chém vào vùng vai trái của Bùi Tuấn A. Bùi Tuấn A dùng tay trái đẩy cây phóng lợn ra nhưng tay bị trúng vào lưỡi dao gây thương tích ở tay trái. Sau đó Bùi Tuấn A dùng dao chém một nhát vào vùng đầu của Bùi Trọng A1 làm A1 ngã xuống đất. Thấy vậy, Bùi Văn D1 dùng kiếm chém một nhát vào vùng đầu của Bùi Trọng A1. Khi đó, Quách Văn L1 dùng dao xông vào khu vực phía nhóm của Bùi Tuấn A và dùng tay ôm Bùi Tuấn A. Thấy Bùi Tuấn A bị ôm, Bùi Văn D1 tiếp tục dùng kiếm chém một nhát vào vùng đầu của Quách Văn L1. Quách Văn L1 dùng tay đỡ và bị thương tích ở tay và đầu. Tiếp theo Bùi Quang H dùng tuýp sắt đập một nhát vào vùng vai của Bùi Trọng A1. Khi đó, Quách Văn H1 dùng kiếm vung về phía nhóm người của Bùi Tuấn A nhưng do kiếm lỏng cán nên lưỡi kiếm bay ra ngoài nên Quách Văn H1 ném cán kiếm tại chỗ đánh nhau và lùi về phía sau. Bùi Văn P cũng dùng dao khua về phía nhóm Bùi Tuấn A để lôi Bùi Trọng A1 và Quách Văn L1 ra ngoài. Được một lúc thì Quách Văn H1 hô “chạy thôi” thì nhóm của Bùi Trọng A1 bỏ chạy trên 02 xe mô tô, sau đó đưa Bùi Trọng A1 và Quách Văn L1 bị thương đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện L, tỉnh Hòa Bình. Khi chạy, nhóm của Bùi Trọng A1 có bỏ lại 01 xe mô tô. Thấy vậy, Bùi Tuấn A dùng dao, Bùi Văn S dùng liềm phát cỏ và dao phóng lợn (do Bùi Trọng A1 bỏ lại) chém, đập chiếc xe mô tô do nhóm Bùi Trọng A1 bỏ lại. Sau đó, nhóm Bùi Tuấn A điều khiển 02 xe mô tô đi về, đến đoạn đường thuộc xóm T, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình thì Bùi Văn S ném cây phóng lợn lấy từ nhóm Bùi Trọng A1 xuống mương nước cạnh đường.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 158/LKTTCT-TTPY, ngày 23/7/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh H kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Bùi Trọng A1 là 12% (mười hai phần trăm).

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 166/LKTTCT-TTPY, ngày 30/7/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh H kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn

thương cơ thể của Quách Văn L1 là 12% (mười hai phần trăm).

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 157/LKTTCT-TTPY, ngày 23/7/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh H kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Bùi Văn P là 1% (một phần trăm).

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 154/LKTTCT-TTPY, ngày 18/7/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh H kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Bùi Tuấn A là 1% (một phần trăm).

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 153/LKTTCT-TTPY, ngày 18/7/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh H kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Bùi Quang H là 1% (một phần trăm).

Tại Kết luận số 572/LK-HĐGTS, ngày 16/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện L, tỉnh Hòa Bình kết luận: phần hư hỏng của chiếc xe mô tô BKS 28N1-484.25 có trị giá là 1.056.700 (một triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn, bảy trăm) đồng.

Tang vật thu giữ được tại giai đoạn điều tra và quá trình xử lý vật chứng: Tang vật thu giữ tại giai đoạn điều tra gồm 01 đoạn gậy sắt tròn dài 200cm, một đầu hàn dao mũi nhọn dài 30cm, phần rộng nhất của dao 05cm, mũi dao gỉ sét; 01 thanh kiếm chiều dài 01m, chuôi nắm có quần vải hoa văn đỏ trắng, mũi gỉ sét; 01 thanh kim loại dài 61cm, một đầu bằng, một đầu nhọn, một bên mài thành lưỡi dao, phần rộng nhất 03cm đựng trong bao gỗ; 01 tuýp sắt tròn, dài 29cm có một đầu nhọn, đường kính 2,5cm; 01 con dao mũi bằng dài 52cm, cán gỗ, lưỡi dài 38,5cm, phần rộng nhất của lưỡi dao 04cm; 01 đoạn gậy gỗ một đầu gắn dao hình vòng cung tổng chiều dài 91,5cm, phần lưỡi dao dài 26cm; 01 xe mô tô cũ đã qua sử dụng, nhãn hiệu Honda, loại Wave @, màu xanh, BKS 28N1-484.25 của Bùi Văn P; 01 xe mô tô cũ đã qua sử dụng, nhãn hiệu Honda, loại Wave @, màu xanh không có biển kiểm soát của Nguyễn Đức M2; 01 xe mô tô cũ đã qua sử dụng, nhãn hiệu Honda, V1, màu trắng, BKS 28FN-010.81 của ông Bùi Văn T2 do Bùi Văn S sử dụng; 01 xe mô tô cũ đã qua sử dụng, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu trắng, BKS 28N1-536.87 của bà Bùi Thị D do Bùi Tuấn A sử dụng; 01 xe mô tô cũ đã qua sử dụng, nhãn hiệu Honda, loại Wave @, màu đen, BKS 28N1-519.07 của bà Bùi Thị T4 do Quách Đức L2 sử dụng. Vật chứng là các xe mô tô BKS 28FN-010.81; 28N1-536.87 và 28N1-519.07, Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu. Các vật chứng còn lại hiện đang được lưu giữ tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo và gia đình đã thoả thuận với các bị hại mức bồi thường 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, đã bồi thường được 115.000.000 (một trăm mười lăm triệu) đồng. Đối với thiệt hại xe mô tô của Bùi Văn P 1.056.700đ do Bùi Tuấn A và Bùi Văn S đập phá hiện các bị cáo này chưa bồi thường.

Tại Bản Cáo trạng số 22/CT-VKS-LS, ngày 28/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình đã truy tố các bị cáo Bùi Tuấn A, Bùi Văn D1, Bùi Quang H, Bùi Duy K1 và Bùi Văn S về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đối với hành vi của Quách Mạnh Q, Bùi Trọng A1, Bùi Văn P, Quách Văn L1, Quách Văn H1, Trần Đức M1, Quách

Đức L2 và Nguyễn Đức M2 dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho Bùi Quang H và Bùi Tuấn A mỗi người 1% sức khỏe nhưng Bùi Quang H, Bùi Tuấn A và người đại diện của Bùi Tuấn A không yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự, đã bị xử lý trách nhiệm hành chính nên Cáo trạng không đề cập xử lý. Đối với hành vi đập phá xe mô tô BKS 28N1-484.25 của Bùi Tuấn A và Bùi Văn S gây thiệt hại 1.056.700đ chưa đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý làm hư hỏng tài sản, đã bị xử lý trách nhiệm hành chính nên Cáo trạng không đề cập xử lý trong vụ án này.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố, tội danh và điều khoản luật áp dụng đối với các bị cáo. Xác định bị cáo Bùi Văn D1 có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là Tái phạm theo quy định điểm h khoản 1 tại Điều 52 Bộ luật hình sự 2015. Các bị cáo đều có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là đã bồi thường, khắc phục một phần hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Các bị cáo đều được các bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đều là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Các bị cáo Bùi Tuấn A, Bùi Văn D1 và Bùi Quang H đều có ông bà là người có công; bị cáo Bùi Văn D1, Bùi Quang H gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng chính sách hình sự đối với người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi cho các bị cáo Bùi Tuấn A, Bùi Quang H, Bùi Duy K1 và Bùi Văn S. Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn D1 từ 36 đến 42 tháng tù; xử phạt Bùi Tuấn A từ 18 đến 21 tháng tù, cho hưởng án treo; xử phạt Bùi Quang H từ 30 đến 36 tháng tù, cho hưởng án treo; xử phạt Bùi Duy K1 từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo; xử phạt Bùi Văn S từ 30 đến 33 tháng tù, cho hưởng án treo. Về tang vật của vụ án là các xe mô tô BKS 28FN-010.81; 28N1-536.87 và 28N1-519.07, Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu là hợp pháp nên đề nghị không xem xét. Các vật chứng gồm 01 đoạn gậy sắt tròn dài 200cm, một đầu hàn dao mũi nhọn dài 30cm; 01 thanh kiếm chiều dài 01m; 01 thanh kim loại dài 61cm; 01 tuýp sắt tròn, dài 29cm; 01 con dao mũi bằng dài 52cm; 01 đoạn gậy gỗ một đầu gắn gậy dao hình vòng cung tổng chiều dài 91,5cm là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy. Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave @, màu xanh không đeo biển kiểm soát của Nguyễn Đức M2; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave @, màu xanh, BKS 28N1-484.25 của Bùi Văn P là tài sản hợp pháp của Nguyễn Đức M2 và Bùi Văn P, dùng để di chuyển, không phải phương tiện phạm tội nên cần trả lại cho Nguyễn Đức M2 và Bùi Văn P. Về trách nhiệm dân sự: các bị cáo và các bị hại đã thống nhất thỏa thuận số tiền bồi thường bằng số tiền đã nhận là 115.000.000 đồng, không yêu cầu bồi thường thêm nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Đối với khoản thiệt hại 1.056.700 đồng do hành vi đập phá xe mô tô 28N1-484.25 của Bùi Tuấn A và Bùi Văn S, tại phiên tòa anh Bùi Văn P vẫn có yêu cầu các bị cáo này bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Các bị hại giữ nguyên ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, chấp nhận số tiền bồi thường đã giao là 115.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường thêm đối với các bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến gì về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đề xuất. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo là lỗi một phần thuộc về các bị hại. Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn D1 từ 30 đến 36 tháng tù; Bùi Tuấn A từ 15 đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo; xử phạt Bùi Quang H từ 24 đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo; xử phạt Bùi Văn S từ 18 đến 24 tháng tù, cho hưởng án treo; xử phạt Bùi Duy K1 từ 9 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình; không có ý kiến gì về nội dung Cáo trạng phản ánh; không kêu oan và xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Bùi Tuấn A, Bùi Quang H, Bùi Duy K1 và Bùi Văn S xin được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, của Cơ quan điều tra, của Kiểm sát viên, của Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên xác nhận là hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên.

[2] *Về căn cứ xác định tội danh, điều luật áp dụng đối với các bị cáo*: Ngày 13/7/2024, các bị cáo Bùi Tuấn A, Bùi Văn D1, Bùi Quang H, Bùi Duy K1 và Bùi Văn S hẹn nhóm bị hại đánh nhau. Trong lúc đánh nhau, Bùi Tuấn A và Bùi Văn D1 mỗi người đã dùng dao, kiếm chém một nhát vào vùng đầu của Bùi Trọng A1; Bùi Văn D1 dùng kiếm chém một nhát vào vùng đầu của Quách Văn L1; Bùi Quang H dùng tuýp sắt đập một nhát vào vai của Bùi Trọng A1 làm Bùi Trọng A1 và Quách Văn L1 mỗi người bị tổn thương cơ thể là 12%. Trong cuộc xô sát, Bùi Tuấn A và Bùi Văn P, Bùi Quang H mỗi người bị tổn thương cơ thể 1%. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, tang vật thu giữ được và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo tuy gây thương tích tại vùng đầu của các bị hại nhưng khi thực hiện, các bị cáo chỉ nhằm mục đích đánh nhau giải quyết mâu thuẫn chứ không nhằm mục đích tước đi tính mạng của các bị hại. Tuy hậu quả mỗi bị hại bị tổn thương cơ thể 12 (nằm trong khoảng từ 11% đến 30%) nhưng đã gây tổn thương cho 02 người và khi thực hiện hành vi tội phạm, các bị cáo đã dùng dao, kiếm là hung khí nguy hiểm. Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý gây thương tích. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015. Cáo trạng truy tố các bị cáo theo tội danh, điều khoản luật áp dụng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đối với hành vi của nhóm của Bùi Mạnh Q1 có dùng hung khí nguy hiểm gây tổn thương cơ thể 1% cho Bùi Quang H và Bùi Tuấn A, đã đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự 2015. Tuy nhiên, việc khởi tố trách nhiệm hình sự đối với nhóm Bùi Mạnh Q1 cần có yêu cầu của Bùi Quang H, Bùi Tuấn A và người đại diện của Bùi Tuấn A theo quy

định tại khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại giai đoạn điều tra, Bùi Quang H, Bùi Tuấn A và người đại diện Bùi Tuấn A không yêu cầu. Do đó, Cáo trạng không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự đối với nhóm Bùi Mạnh Q1 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hành vi của nhóm Bùi Mạnh Q1 cũng đã chủ động chuẩn bị hung khí gây thương tích, làm mất trật tự trị an địa phương, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng cần lấy đó làm bài học cho bản thân.

[3] *Về cá thể hoá trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo:* Các bị cáo đã cùng nhau thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, các bị cáo tiếp nhận ý chí của nhau tức thời, không có sự bàn bạc từ trước nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong đó, vai trò chính khởi xướng gây mâu thuẫn là Bùi Văn S và giúp sức thực hành tích cực nhất là Bùi Văn D1, Bùi Quang H, Bùi Tuấn A. Bùi Tuấn A là người chuẩn bị công cụ cho Bùi Văn D1, chuẩn bị phương tiện và điện thoại thông báo các bị cáo khác đi đánh nhau; Bùi Văn D1 chuẩn bị công cụ cho Bùi Duy K1. Bùi Tuấn A và Bùi Văn D1 là hai bị cáo gây thương tích chính; bị cáo Bùi Tuấn A chém một nhát và đầu Bùi Trọng A1; Bùi Văn D1 chém một nhát vào đầu A1 và một nhát vào đầu L1. Đối với Bùi Quang H là đồng phạm giúp sức thực hành tích cực; đã trực tiếp điều khiển xe chở Tuấn A và D1 đi tìm người đánh nhau; đã dùng tuýp sắt đánh vào vai Bùi Trọng A1. Do vậy, các bị cáo Bùi Văn S, Bùi Văn D1 và Bùi Quang H phải chịu trách nhiệm hình sự chính và ở mức cao hơn các bị cáo khác. Đối với Bùi Duy K1 là đồng phạm giúp sức về tinh thần và thực hành. Do vậy, bị cáo Bùi Duy K1 phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của mình.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo:* Tội phạm mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội; đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có nhận thức và hiểu biết pháp luật nhưng coi thường pháp luật. Hậu quả làm cho hai người trở lên bị thương, trong đó có hai người bị tổn thương cơ thể 12%, các bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm, gây ảnh hưởng rất xấu đến an ninh trật tự địa phương. Bị cáo Bùi Văn D1 có nhân thân xấu; đã có tiền án nhưng không rút ra bài học cho bản thân. Do vậy, cần áp dụng đối với các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của từng bị cáo; đủ để cải tạo bị cáo trở thành công dân bình thường, đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung. Trong vụ án, các bị cáo Bùi Tuấn A, Bùi Duy K1 và Bùi Văn S là người dưới 18 tuổi nên sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng chính sách hình sự đối với người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi và các quy định có lợi khác theo Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên.

[4] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo Bùi Văn D1 có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là Tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015. Sau khi phạm tội, các bị cáo và gia đình đã tích cực bồi thường khắc phục hậu quả. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Ngoài ra, các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; lỗi một phần thuộc về các bị hại; các bị cáo Bùi Văn D1 thuộc diện hộ nghèo, có ông ngoại được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, có bà ngoại được tặng

thường Kỷ niệm chương Cự chiến binh Việt Nam; bị cáo Bùi Quang H thuộc diện hộ cận nghèo, có ông ngoại được tặng thưởng Kỷ niệm chương Q1 tình nguyện Việt Nam giúp nước Lào, Huy hiệu Chiến sỹ T, H2; bị cáo Bùi Tuấn A có ông ngoại tham gia dân công hỏa tuyến. Đây là những tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của bộ luật Hình sự 2015 nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự 2015. Đối với các bị cáo Bùi Quang H, Bùi Duy K1, Bùi Văn S và Bùi Tuấn A có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên Hội đồng xét xử xét không cần bắt các bị cáo này chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Đề nghị của Kiểm sát viên, của người bào chữa, của các bị cáo xin hưởng án treo là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Bộ luật hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] *Về tang vật của vụ án:* Về tang vật của vụ án là các xe mô tô BKS 28FN-010.81; 28N1-536.87 và 28N1-519.07, Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu là Bùi Văn T2, Bùi Thị D và Bùi Thị T4 là đúng quy định của pháp luật, các chủ sở hữu không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các vật chứng gồm 01 đoạn gậy sắt tròn dài 200cm, một đầu hàn dao mũi nhọn dài 30cm; 01 thanh kiếm chiều dài 01m; 01 thanh kim loại dài 61cm; 01 tuýp sắt tròn, dài 29cm; 01 con dao mũi bằng dài 52cm; 01 đoạn gậy gỗ một đầu gắn dao hình vòng cung tổng chiều dài 91,5cm là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy. Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave @, màu xanh không đeo biển kiểm soát của Nguyễn Đức M2; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave @, màu xanh, BKS 28N1-484.25 của Bùi Văn P là tài sản hợp pháp của Nguyễn Đức M2 và Bùi Văn P, dùng để di chuyển, không phải phương tiện phạm tội nên cần trả lại cho Nguyễn Đức M2 và Bùi Văn P.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường thêm về hành vi cố ý gây thương tích nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với thiệt hại của xe mô tô BKS 28N1-484.25 của Bùi Văn P là 1.056.700 đồng do hành vi đập phá xe của Bùi Tuấn A và Bùi Văn S, anh Bùi Văn P có yêu cầu bồi thường nên cần buộc các bị cáo này có nghĩa vụ bồi thường. Vì Bùi Tuấn A và Bùi Văn S chưa đủ 18 tuổi nên cha mẹ của hai bị cáo này có nghĩa vụ liên đới bồi thường theo quy định của pháp luật.

[8] *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Bùi Tuấn A và Bùi Văn S còn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 54; khoản 1 Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bùi Văn D1;

Căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bùi Quang H;

Căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 179; Điều 124 Luật Tư pháp người chưa thành niên đối với các bị cáo Bùi Văn S, Bùi Tuấn A và Bùi Duy K1;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Tuấn A, Bùi Văn D1, Bùi Quang H, Bùi Duy K1, Bùi Văn S phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Văn D1 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt để tạm giam từ ngày 18/9/2024.

Xử phạt bị cáo Bùi Quang H 30 (Ba mươi) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn S 30 (Ba mươi) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Bùi Tuấn A 18 (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 36 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Bùi Duy K1 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án;

Giao các bị cáo Bùi Tuấn A, Bùi Quang H, Bùi Duy K1 và Bùi Văn S cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo Bùi Quang H, Bùi Văn S, Bùi Tuấn A và Bùi Duy K1 cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì có thể bị Tòa án quyết định buộc phải chấp hành hình phạt tù đã cho hưởng án treo

3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho Nguyễn Đức M2 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave @, màu xanh không đeo biển kiểm soát, số máy: JA70E0142406, số khung: RLHJA3932PY100547;

Trả lại cho Bùi Văn P 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave @, màu xanh đen bạc, BKS 28N1-484.25, số máy: JA39E2622499, số khung: RLHJA3920NY125595;

Tịch thu để tiêu huỷ 01 đoạn gậy sắt tròn dài 200cm, một đầu hàn dao mũi nhọn dài 30cm, phần rộng nhất của dao 05cm, mũi dao gỉ sét; 01 thanh kiếm chiều dài 01m, chuôi nắm có quấn vải hoa văn đỏ trắng, mũi gỉ sét; 01 thanh kim loại dài 61cm, một đầu bằng, một đầu nhọn, một bên mài thành lưỡi dao, phần rộng nhất 03cm đựng trong bao gỗ; 01 tuýp sắt tròn, dài 29cm có một đầu nhọn, đường kính 2,5cm; 01 con dao mũi bằng dài 52cm, cán gỗ, lưỡi dài 38,5cm, phần rộng nhất của lưỡi dao 04cm; 01 đoạn gậy gỗ một đầu gắn dao hình vòng cung tổng chiều

dài 91,5cm, phần lưỡi dao dài 26cm.

*(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình có đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng và Phiếu nhập kho số NK (2025) 37 ngày 08/5/2025).*

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 5 Điều 275; Điều 584; Điều 585; khoản 2 Điều 586 và Điều 587 của Bộ luật Dân sự 2015: buộc bị cáo Bùi Tuấn A và Bùi Văn S và những người giám hộ hai bị cáo này có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho Bùi Văn P số tiền 1.056.700đ thiệt hại do hành vi đập phá xe ngày 13/7/2024 (Bị cáo Bùi Tuấn A phải bồi thường 500.000 đồng, bị cáo Bùi Văn S phải bồi thường 556.700 đồng).

5. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Bùi Văn D1, Bùi Quang H và Bùi Duy K1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Bùi Tuấn A và Bùi Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người bào chữa cho các bị cáo dưới 18 tuổi có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Trại giam CA Hoà Bình;
- Phòng PC 10 – Công an Hoà Bình;
- Bị cáo; Bị hại; người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phạm Cao Sơn**